

CHÍNH PHỦ
Số: 65/2001/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 28 tháng 9 năm 2001

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ

Ban hành hệ thống đơn vị đo lường hợp pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Pháp lệnh Đo lường ngày 06 tháng 10 năm 1999;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường,

NGHỊ ĐỊNH

Điều 1. Ban hành hệ thống đơn vị đo lường hợp pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định này, gồm:

- Đơn vị thuộc hệ đơn vị đo lường quốc tế (SI); ước, bội thập phân của đơn vị SI và các đơn vị khác được dùng theo thông lệ quốc tế.
- Các đơn vị dẫn xuất nhất quán từ hệ đơn vị đo lường quốc tế (SI) và các đơn vị theo thang đo quy ước mà quốc tế đã thống nhất cho những đại lượng chưa quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 2. Cơ quan Nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang và mọi cá nhân khi sử dụng phương tiện đo; trình bày kết quả đo; thể hiện giá trị đại lượng theo đơn vị đo lường trong các lĩnh vực kinh tế, y tế và an toàn công cộng, giáo dục, tiêu chuẩn hóa và trong các hoạt động mang tính chất hành chính phải dùng đơn vị đo lường hợp pháp quy định tại Điều 1 Nghị định này trừ trường hợp quy định tại Điều 3 của Nghị định này.

Điều 3. Trong trường hợp tổ chức, cá nhân hoạt động liên quan đến xuất, nhập khẩu thì ngoài đơn vị đo lường hợp pháp được phép sử dụng đơn vị đo lường khác theo quy định của các Điều ước quốc tế hoặc thoả thuận quốc tế về hàng hải, hàng không và vận tải đường sắt mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tham gia hoặc ký kết.

Điều 4. Để việc chuyển đổi từ đơn vị đo lường cũ sang đơn vị đo lường hợp pháp theo quy định tại Nghị định này được thuận lợi, cho phép tổ chức, cá nhân sử dụng có thời hạn 10 đơn vị đo lường

cũ đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2005 và 5 đơn vị đo lường cũ đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2010 quy định trong Phụ lục II kèm theo Nghị định này.

Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp, mọi tổ chức, cá nhân có thẩm quyền, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, phải thực hiện các công việc chuẩn bị và điều kiện cần thiết để chuyển sang hoàn toàn sử dụng đơn vị đo lường hợp pháp đúng thời gian quy định.

Điều 5. Nghị định này thay thế Nghị định số 186/CP ngày 26 tháng 12 năm 1964 và có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 6. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường tổ chức và hướng dẫn thực hiện Nghị định này./.

-
Phụ lục I

**Đơn vị đo lường hợp pháp của
nước Cộng hoà Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam**

(Ban hành kèm theo Nghị định số 65/2001/NĐ-CP ngày 28 tháng 9 năm 2001 của Chính phủ)

A. Các đơn vị:

TT	Đại lượng	Đơn vị		Giải thích
		Tên	Ký hiệu	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<u>I- Đơn vị không gian, thời gian và hiện tượng tuần hoàn</u>				
1	độ dài	mét	m	Mét là quãng đường ánh sáng đi được trong chân không trong khoảng thời gian 1/299 792 458 giây (CGPM* lần thứ 17, 1983). Đơn vị cơ bản.

				* CGPM: tên viết tắt theo tiếng Pháp của Đại hội cân đo quốc tế.
2	góc phẳng (góc)	radian	rad	Radian là góc phẳng giữa hai bán kính của một vòng tròn cắt trên vòng tròn một cung dài bằng bán kính. $1\text{rad} = 1\text{m}/1\text{m} = 1$
		độ	°	$1^\circ = (\pi / 180) \text{ rad}$
		phút	'	$1' = (1/60)^\circ = (\pi / 10\,800) \text{ rad}$
		giây	"	$1'' = (1/60)' = (\pi / 648\,000) \text{ rad}$
3	góc khối	steradian	sr	Steradian là góc khối của một hình nón có đỉnh ở tâm hình cầu, cắt trên mặt cầu một diện tích bằng diện tích hình vuông có cạnh dài bằng bán kính hình cầu. $1\text{sr} = 1\text{m}^2/1\text{m}^2 = 1$
4	diện tích	mét vuông	m ²	Mét vuông là diện tích một hình vuông có cạnh 1 mét. $1\text{m}^2 = 1\text{m} \cdot 1\text{m}$
		hecta	ha	$1 \text{ ha} = 0,01 \text{ km}^2 = 10^4 \text{ m}^2$ Để đo diện tích ruộng đất.

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
5	thể tích, dung tích	mét khối	m ³	Mét khối là thể tích một khối lập phương có cạnh 1 mét. $1\text{m}^3 = 1\text{m} \cdot 1\text{m} \cdot 1\text{m}$ Được lập ước, bội thập phân theo mục B.

		lít	l, L	Lít là dung tích bằng một decimét khối. $1\text{l} = 1\text{dm}^3 = 10^{-3} \text{ m}^3$ Được lập ước, bội thập phân theo mục B.
6	thời gian	giây	s	Giây là khoảng thời gian bằng 9 192 631 770 chu kỳ bức xạ ứng với sự chuyển dịch giữa hai mức siêu tinh tế ở trạng thái cơ bản của nguyên tử xesi 133 (CGPM lần thứ 13, 1967). Đơn vị cơ bản.
		phút	min	$1\text{min} = 60 \text{ s}$
		giờ	h	$1\text{h} = 60 \text{ min} = 3\,600 \text{ s}$
		ngày	d	$1\text{d} = 24 \text{ h} = 86\,400 \text{ s}$
7	tần số	hec	Hz	Héc là tần số của một quá trình tuần hoàn có chu kỳ 1 giây. $1\text{Hz} = 1\text{s}^{-1}$
8	vận tốc góc	radian trên giây	rad/s	Radian trên giây là vận tốc góc của một vật quay đều quanh một trục cố định một góc 1 radian trong thời gian 1 giây. $1\text{rad/s} = 1\text{s}^{-1}$
9	gia tốc góc	radian trên giây bình phương	rad/s^2	Radian trên giây bình phương là gia tốc góc của một vật có vận tốc góc thay đổi đều 1 radian trên giây trong thời gian 1 giây. $1\text{rad/s}^2 = 1\text{s}^{-2}$
10	vận tốc	mét trên giây	m/s	Mét trên giây là vận tốc của một vật chuyển động đều đi được đoạn đường 1 mét trong thời gian 1 giây.

				$1\text{m/s} = 1\text{m.s}^{-1}$
		kilômét trên giờ	km/h	Kilômét trên giờ là vận tốc của một vật chuyển động đều đi được đoạn đường 1 000 mét trong thời gian một giờ. $1\text{km/h} = (1/3,6) \text{ m/s} = 0,277\,778 \text{ m/s}$
11	gia tốc	mét trên giây bình phương	m/s^2	Mét trên giây bình phương là gia tốc của một vật có vận tốc thay đổi đều 1 mét trên giây trong thời gian 1 giây. $1\text{m/s}^2 = 1\text{m.s}^{-2}$

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
12	mức của đại lượng trường	nepe	Np	Nepe là mức của một đại lượng trường khi tỉ số giữa đại lượng này và đại lượng so sánh cùng loại là bằng e. $1\text{Np} = \ln(F/F_o) = \ln(e) = 1$
		ben	B	Ben là mức của một đại lượng trường khi tỉ số giữa đại lượng này và đại lượng so sánh cùng loại là bằng $10^{1/2}$. $1\text{B} = 2\lg(F/F_o) = 2\lg 10^{1/2} = 1$
		deciben	dB	$1\text{dB} = [(\ln 10)/20] \text{ Np}$ (chính xác) = 0,115 129 3 Np
13	mức của đại lượng	nepe	Np	Nepe là mức của một đại lượng công suất khi tỷ số giữa đại lượng này và đại lượng công suất so sánh là bằng e^2 . $1\text{Np} = (1/2) \ln (P/P_o) = (1/2) \ln e^2 = 1$
		ben	B	Ben là mức của một đại lượng công suất khi tỉ số